CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 03 năm 2023

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

[05] Mã số thuế: 0309391503

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Phường/xã: **[11b]** Quận/Huyện: **[11c]** Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)		Thuế giá trị gia tăng	
A	**Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ** (đánh dấu "X")	**[21]**	[]		
B	**Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**			**[22]**	647.103.356
C	**Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước**				
I	**Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ**				
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	**[23]**	8.696.999.641	**[24]**	828.402.674
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	**[23a]**	0	**[24a]**	0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này			**[25]**	828.402.674
II	**Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ**				
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	**[26]**	(1.417.504)		
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	**[27]**	16.158.259.817	**[28]**	1.618.371.219
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	**[29]**	0		
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	**[30]**	0	**[31]**	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	**[32]**	16.158.259.817	**[33]**	1.618.371.219
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	**[32a]**	0		
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	**[34]**	16.156.842.313	**[35]**	1.618.371.219
III	**Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])**			**[36]**	789.968.545
IV	**Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước**				
1	Điều chỉnh giảm			**[37]**	0
2	Điều chỉnh tăng			**[38]**	4.140.564
V	**Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ**			**[39a]**	0
VI	**Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:**				
1	**Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≥ 0}**			**[40a]**	138.724.625
2	**Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b]≤[40a])**			**[40b]**	0
3	**Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])**			**[40]**	138.724.625
4	**Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này {[41]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≤ 0}**			**[41]**	0

4.1	**Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ([42] ≤ [41])**	**[42]**	0
4.2	**Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])**	**[43]**	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 15 tháng 04 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

TRẦN THỊ THƠM

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI BỔ SUNG

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
[02] Mã giao dịch điện tử: 0404332853390001
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 03 năm 2023
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
[06] Mã số thuế: 0309391503
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	1701 - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)	(4.100.930)
	Tổng cộng: [10]	**(4.100.930)**

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác)	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Huyện	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
	-					0
Tổng cộng: [11]						**0**

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):
a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày 25/05/2023: 35
b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: (43.060)

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [12]	**0**

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [13]	**0**

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.
2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định

3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0

2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 15 tháng 04 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

TRẦN THỊ THƠM

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01-1/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
[02] Mã giao dịch điện tử: 0404332853390001
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 03 năm 2023
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
[06] Mã số thuế: 0309391503

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	**01/GTGT**						
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	0	-1417504	(1.417.504)	0	
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng - Giá trị HHDV	[27]	16156449059	16158259817	1.810.758	0	
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng - Thuế GTGT	[28]	1618331585	1618371219	39.634	0	
	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% - Giá trị HHDV	[32]	16156449059	16158259817	1.810.758	0	
	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% - Thuế GTGT	[33]	1618331585	1618371219	39.634	0	
	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra - Giá trị HHDV	[34]	16156449059	16156842313	393.254	0	
	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra - Thuế GTGT	[35]	1618331585	1618371219	39.634	0	
	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ	[36]	789928911	789968545	39.634	0	
	Điều chỉnh tăng	[38]	0	4140564	4.140.564	0	
	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	[40a]	142825555	138724625	(4.100.930)	0	
	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])	[40]	142825555	138724625	(4.100.930)	(4.100.930)	
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:				**[07]**	**(4.100.930)**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:				**[08]**	**0**	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:				**[09]**	**0**	\

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 15 tháng 04 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

TRẦN THỊ THƠM

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM.*